

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 184/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08/3/2018
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Mạnh Tường
2. Bà Nguyễn Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 770/2017/TLST-HNGĐ ngày 25/7/2017 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thanh Tr, sinh năm 1980

Thường trú: Đường N, cư xá C, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Đường M, khu phố B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Mai Nghi Th, sinh năm 1974

Thường trú: Đường N, cư xá C, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Đường M, khu phố B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh Tr trình bày:

Bà Nguyễn Thanh Tr và ông Mai Nghi Th tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, thị trấn D, tỉnh Tây Ninh vào năm 2005. Sau khi kết hôn, bà Tr và ông

Th sống chung tại số nhà 73, Đường 16, khu phố 3, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, cuộc sống của vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn xảy ra từ năm 2006, nguyên nhân do ông Th ít khi về nhà sau giờ làm việc, thường xuyên tụ tập uống bia rượu, thỉnh thoảng không về nhà, qua đêm bên ngoài, ông Th có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ. Hai bên đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay, quá trình ly thân đôi bên có tạo điều kiện hàn gắn gia đình nhưng không thành. Nay bà Tr xác định tình cảm không còn nên bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà Tr và ông Th có 01 người con chung tên Mai Gia K, sinh ngày 17/6/2009. Bà Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung Mai Gia K và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Mai Nghi Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thanh Tr có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà Nguyễn Thanh Tr yêu cầu được ly hôn với ông Mai Nghi Th; Về con chung: Bà Tr và ông Th có 01 người con chung tên Mai Gia K, sinh ngày 17/6/2009. Bà Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung Mai Gia K và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Ông Mai Nghi Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4.2. Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thanh Tr yêu cầu được ly hôn với ông Mai Nghi Th. Theo Kết quả xác minh của Công an phường H, quận T thì bị đơn ông Th có tạm trú tại Đường M, khu phố B, phường

H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh Tr có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

1.3. Bị đơn ông Mai Nghi Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Th.

2. Về nội dung:

Bà Nguyễn Thanh Tr và ông Mai Nghi Th tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã S, huyện D, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 97 quyền số 01 ngày 15 tháng 8 năm 2005. Do đó, căn cứ quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thanh Tr và ông Mai Nghi Th là hôn nhân hợp pháp.

Ông Mai Nghi Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tr nhưng ông Th vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, ông Th đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của bà Tr, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Tr và ông Th xảy ra từ năm 2006 và hai bên đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Phía ông Th đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông Th vẫn vắng mặt không rõ lý do, điều này thể hiện ông Th không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng, để mặc quan hệ hôn nhân, không quan tâm đến ý kiến của bà Tr. Đồng thời, theo Kết quả xác minh của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện bà Tr và ông Th sống ly thân.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thanh Tr và ông Mai Nghi Th đã thật sự trầm trọng, không bên nào quan tâm đến cuộc sống của nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thanh Tr.

Về con chung: Bà Tr và ông Th có 01 người con chung tên Mai Gia K, sinh ngày 17/6/2009.

Xét thấy, con chung Mai Gia K hiện đang do bà Tr chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Khang cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Tr, giao con chung Mai Gia K cho bà Tr tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tr không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm, bà Tr phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh Tr.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thanh Tr và ông Mai Nghi Th.

1.2 Về con chung: Giao con chung tên Mai Gia K, sinh ngày 17/6/2009 cho bà Nguyễn Thanh Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thanh Tr không yêu cầu ông Mai Nghi Th cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thanh Tr phải chịu 300.000 đồng nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0015856 ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thanh Tr và ông Mai Nghi Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND quận Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THA DS quận Thủ Đức, TPHCM;
- UBND X. S, TT. D, T. Tây Ninh;
- Đường sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Châu